

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngành ngân hàng và chứng khoán

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DGC, CII

[Cập nhật công ty]

GVR, VTP

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, thực hiện chiến lược bán chủ động chốt lời từng phần ở vùng giá cao khi VNINDEX hoặc cổ phiếu mục tiêu vượt đỉnh đối với các vị thế trading đã mua thêm trong nhịp điều chỉnh vừa qua hoặc hiện còn đang nắm giữ.

22/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,281.80	+0.42
VN30	1,284.14	+0.20
HĐTL VN30F1M	1,284.50	+0.71
HNXIndex	241.68	+0.22
HNX30	531.76	+0.38
UPCoM	90.95	+0.14
USD/VND	24,770	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.54	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	80.91	-0.20
Vàng (LME, \$)	2,166.04	-0.70



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,281.80 (+0.42%)
KLGD (triệu CP) 1,180.8 (+9.4%)
GTGD (triệu US\$) 1,402.3 (+17.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngành ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 464.40 tỷ đồng, tập trung tại VNM (-0.88%), HPG (+0.99%), VHM (-0.23%).

HNXIndex 241.68 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 120.1 (-26.4%)
GTGD (triệu US\$) 101.4 (-28.5%)

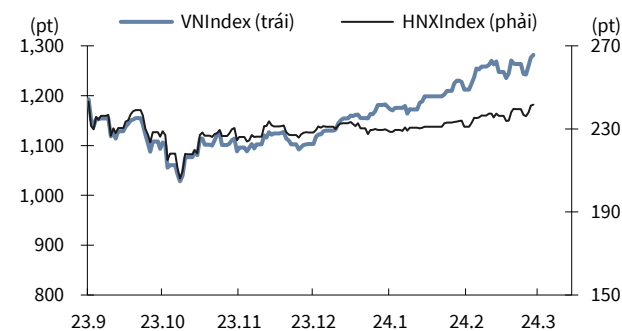
Giá thép cây giao kỳ hạn tháng 10/2024 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 33 Nhân dân tệ, lên mức 3,652 Nhân dân tệ/tấn. Cổ phiếu nhóm Thép tăng giá ở HPG (+0.99%), HSG (+2.42%).

UPCoM 90.95 (+0.14%)
KLGD (triệu CP) 61.6 (+38.5%)
GTGD (triệu US\$) 24.1 (+29.0%)

Ngày hôm nay (22/3/2024), giá heo hơi tiếp tục đà tăng tại nhiều tỉnh/thành, một số địa phương bật lên mức 61,000 đồng/kg. Cổ phiếu nhóm Chăn nuôi tăng giá ở BAF (+0.71%), DBC (+0.00%).

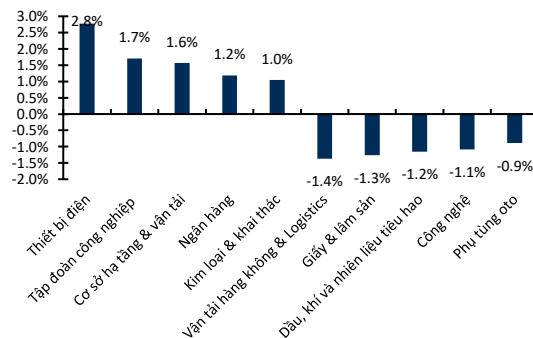
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -19.2

VNIndex & HNXIndex



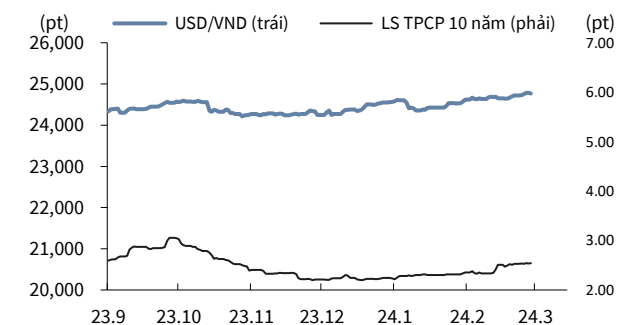
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



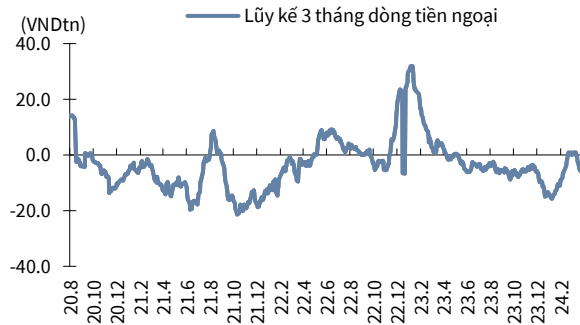
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

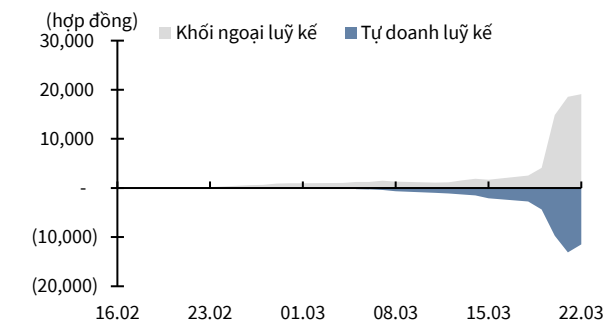
VN30	1,284.14 (+0.20%)
VN30F1M	1,284.5 (+0.71%)
Mở cửa	1,287.0
Cao nhất	1,294.7
Thấp nhất	1,275.7

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2404 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất tại 5.03 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.90 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 0.36 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

KLGD (HĐ)	271,601 (+19.0%)
------------------	-------------------------

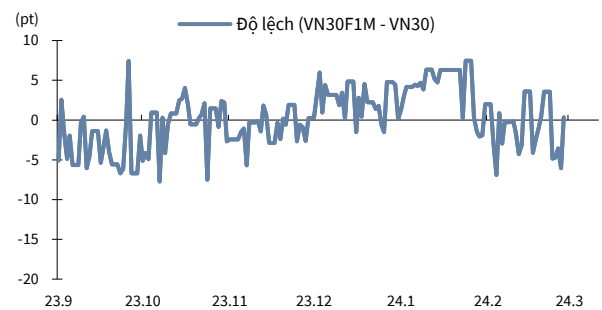
Khối ngoại mua ròng 567 HĐTL VN30F2404 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 19,109 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 1,652 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 11,453 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



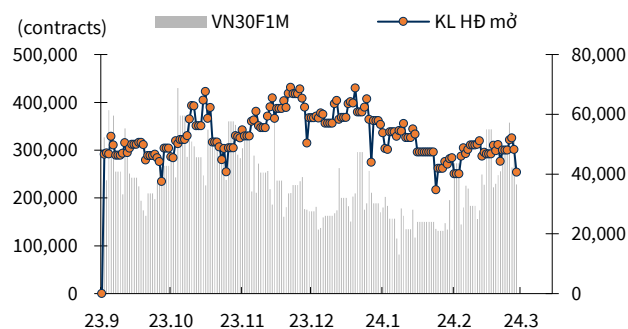
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



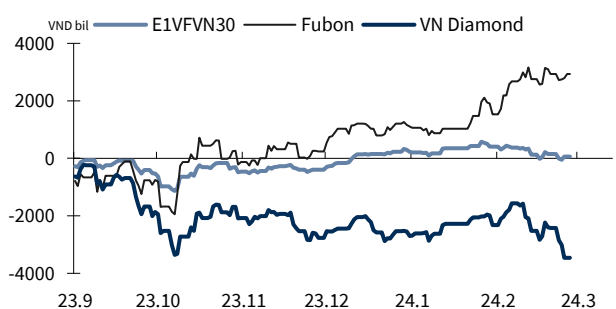
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

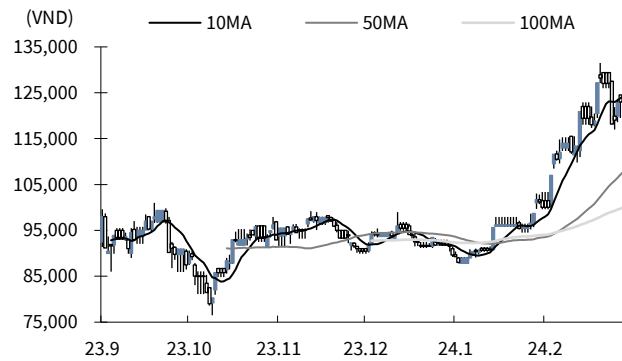
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)

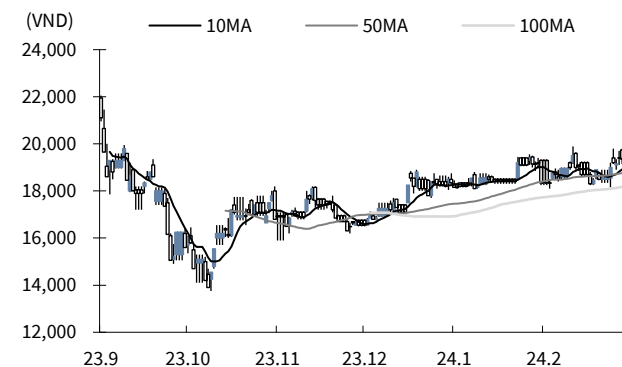


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DGC tăng 0.49% lên 123,600 VND/cp

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang cho biết Nhà máy Xút Chất dẻo Nghi Sơn sẽ được khởi công trong tháng 6/2024. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến 12,000 tỷ đồng, sản phẩm chính gồm xút (NaOH), nhựa PVC, axit HCL, ... Dự án được kỳ vọng sẽ giúp DGC thâm nhập lĩnh vực kinh doanh xút và chuẩn bị hoàn thành chuỗi giá trị sản xuất với đại dự án Bauxite - Nhôm (Đắc Nông) trong dài hạn.

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CII giảm 0.26% xuống 19,350 VND/cp

- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM và Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm nhận chuyển nhượng hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư Sơn Tịnh – Quảng Ngãi từ CII. CII được phân chia lợi nhuận với tỷ lệ 13%/năm tính trên số tiền thực tế góp vào dự án. Dự án có diện tích hơn 102 ha với tổng vốn đầu tư là 1,752 tỷ đồng.

Tập đoàn Cao su Việt Nam(GVR)

Tiềm năng từ NTC3 và Hiệp Thạnh 1

20/03/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
anhntn@kbsec.com.vn

2023, GVR ghi nhận doanh thu thuần 22,080 tỷ VND (-13% yoy), LNST đạt 3,370 tỷ VND (-29% yoy)

Mảng cao su tự nhiên của GVR trong 2024 dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể so với 2023 nhờ sự phục hồi đến từ cả giá và sản lượng

Quỹ đất cao su lớn đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho GVR

Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến có thể bắt đầu cho thuê trong 2 năm tới

Khuyến nghị **NẮM GIỮ** – giá mục tiêu

2023 GVR thu về 22,080 tỷ VND doanh thu thuần (-13% yoy). Trong đó, doanh thu từ công nghiệp cao su đạt 428 tỷ VND, ghi nhận mức giảm lớn nhất (-46% yoy). Doanh thu mảng cốt lõi cao su tự nhiên đóng góp 77% tổng doanh thu với 16,933 tỷ VND (-6% yoy). LNST của GVR 2023 đạt 3,370 tỷ VND (-29% yoy).

Chúng tôi kì vọng giá cao su của GVR sẽ giữ được mức tăng 7-8% trong 2024, sản lượng sẽ tăng nhẹ khoảng 2% do: (1) hưởng lợi từ đà tăng của cao su thế giới, (2) lo ngại về thiếu hụt nguồn cung cao su trong dài hạn và (3) nhu cầu từ các thị trường lớn như châu Âu, châu Mỹ và Trung Quốc đều đang có xu hướng hồi phục.

Từ nay cho đến 2025, tập đoàn đặt ra mục tiêu chuyển đổi đất cho ít nhất 2,900 ha, dồn lực tập trung đẩy nhanh tiến độ cho 8 KCN, kì vọng có thể đưa vào khai thác bắt đầu từ năm sau, muộn nhất là vào năm 2026, đảm bảo tiềm năng tăng trưởng mảng KCN cho GVR.

Nam Tân Uyên 3 đã được giao đất trong 2023 và Hiệp Thạnh 1 mới được phê duyệt chủ trương đầu tư vào đầu tháng 3 vừa qua đem lại kì vọng tăng trưởng trong ngắn và trung hạn cho mảng KCN của GVR. NTC 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến có thể bắt đầu cho thuê lần lượt trong năm nay và năm sau.

Chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu GVR, mức giá mục tiêu 35,000 VND/cp, tương ứng với mức sinh lời 7.5% so với mức giá đóng cửa ngày 19/03/2024.

NẮM GIỮ thay đổi

Giá mục tiêu 35,000 VND

Tăng/giảm (%)	7.5%
Giá hiện tại (19/03/2024)	32,550
Giá mục tiêu đồng thuận	33,800
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	130.2/5.3

Dự phóng KQKD & định giá

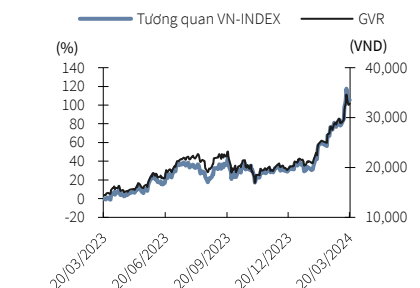
	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	25,426	22,080	24,747	26,566
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	4,381	2,744	4,328	5,612
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	3,839	2,585	3,484	4,271
EPS (VND)	807	646	871	1,068
Tăng trưởng EPS	-22%	-20%	35%	23%
P/E (x)	40.3	50.4	37.4	30.5
P/B (x)	2.4	2.4	2.2	2.0
ROE	9%	6%	8%	9%
Tỷ suất cổ tức	0.1%	0.1%	0.1%	0%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	3.23%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/ triệu USD)	111/4.5
Sở hữu nước ngoài (%)	0.32%
Cổ đông lớn	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại DN (96.8%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	16	64	45	129
Tương đối	14	51	42	105



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Tổng CTCP Bưu chính Viettel (VTP)

Mở rộng mạng lưới, tăng thị phần

21/03/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
anhntn@kbsec.com.vn

2023, VTP ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt là 19,590 tỷ VND và 380 tỷ VND, hoàn thành 106% và 101% kế hoạch năm

VTP hưởng lợi trực tiếp từ sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thương mại điện tử

VTP tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ và mở rộng mạng lưới trong và ngoài nước

VTP kì vọng sẽ nâng thị phần chuyển phát lên hơn 20% vào cuối năm nay

Khuyến nghị **NẮM GIỮ** – giá mục tiêu 92,500 VND/cổ phiếu

2023, VTP ghi nhận doanh thu thuần 19,590 tỷ VND đi ngang so với mức doanh thu đạt được năm 2022. Trong đó, doanh thu hoạt động cốt lõi – doanh thu dịch vụ ghi nhận 10,164 tỷ VND (+12% yoy), mảng bán hàng tuy chiếm tỷ trọng doanh thu cao (48%) đạt 9,445 tỷ VND (-25% yoy) nhưng biên lợi nhuận chỉ ở mức 0.24%.

Theo báo cáo Allied Market Research công bố, thị trường dịch vụ chuyển phát Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 24.1%/năm giai đoạn từ nay đến 2030. Với vị thế là một trong các doanh nghiệp đầu ngành, VTP dự kiến sẽ hưởng lợi đáng kể từ sự tăng trưởng nhanh của của ngành.

Trong 2 năm tới, VTP dự kiến đầu tư 3,000 tỷ VND đầu tư mở rộng hạ tầng kho bãi và hệ thống chia chọn. VTP đang chuẩn bị mặt bằng tiến hành xây dựng thêm kho bãi tại các tỉnh trọng điểm. Bên cạnh đó công ty cũng đang có kế hoạch mở rộng hệ thống chuyển phát sang các nước lân cận như Thái Lan, Lào, Myanmar, Trung Quốc.

Thị phần chuyển phát của VTP sẽ tăng lên mức 20-21% vào cuối năm nay với động lực đến từ: (1) chất lượng dịch vụ cải thiện và (2) VTP liên tiếp thu hút được các đối tác lớn là các tập đoàn nước ngoài.

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu VTP, giá mục tiêu 92,500 VND/cổ phiếu, tương đương với mức lợi nhuận 2.3% so với giá đóng cửa ngày 21/03/2024.

Nắm giữ thay đổi

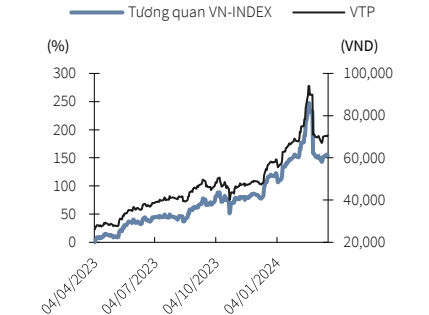
Giá mục tiêu	92,500 VND
Tăng/giảm (%)	2.3%
Giá hiện tại (21/03/2024)	90,400 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	44,700 VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ triệu USD)	11/444

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	39%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	81.9/3.3
Sở hữu nước ngoài (%)	7.41%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (60.8%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-25	24	52	171
Tương đối	-28	10	43	154

Dự phóng KQKD & định giá

	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)				
	21,629	19,590	20,421	22,030
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	317	481	664	735
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	257	380	530	586
EPS (VND)	1,956	2,654	4,348	4,814
Tăng trưởng EPS	-13%	48%	39%	11%
P/E (x)	46.2	34.1	20.8	18.8
P/R (x)	7.9	7.0	5.5	4.4



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex đột ngột đảo chiều và diễn biến rung lắc giằng co về sát ngưỡng tham chiếu, sau đó lấy lại một phần thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quyết liệt khi chỉ số chạm cận dưới vùng cản 1300 (+-10) khiến cho VNIndex lập tức suy yếu, bất chấp những nỗ lực đẩy giá mạnh mẽ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn ngay từ đầu phiên, cho thấy những tín hiệu phân phối mạnh tiềm tàng. Mặc dù lực cầu cho phản ứng trở lại giúp chỉ số tránh được một phiên bulltrap tiêu cực, chúng tôi tiếp tục lưu ý về rủi ro đảo chiều xu hướng khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp tại quanh 1300 (+-10). Rủi ro này cần tiếp tục được lưu ý nếu nhóm dẫn dắt thể hiện sự suy yếu.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, thực hiện chiến lược bán chủ động chốt lời từng phần ở vùng giá cao khi VNINDEX hoặc cổ phiếu mục tiêu vượt đỉnh đối với các vị thế trading đã mua thêm trong nhịp điều chỉnh vừa qua hoặc hiện còn đang nắm giữ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1293 – 1296

Kháng cự gần: 1284 – 1286

Hỗ trợ gần: 1276 – 1278

Hỗ trợ xa: 1268 – 1271

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 đột ngột đảo chiều và diễn biến rung lắc giằng co về sát ngưỡng tham chiếu, sau đó lấy lại một phần thành quả tăng điểm về cuối phiên.
 - Áp lực đến từ phe Short gia tăng quyết liệt khi chỉ số chạm cận dưới vùng cản 1305 (+10) khiến cho F1 lập tức suy yếu, bất chấp những nỗ lực đẩy giá mạnh mẽ từ phe Long ngay từ đầu phiên, cho thấy những tín hiệu phân phối mạnh tiềm tàng. Mặc dù lực cầu cho phản ứng trở lại giúp F1 tránh được 1 phiên bulltrap tiêu cực, chúng tôi tiếp tục lưu ý về rủi ro đảo chiều xu hướng khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp tại quanh 1305 (+10)
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Short đã mở.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

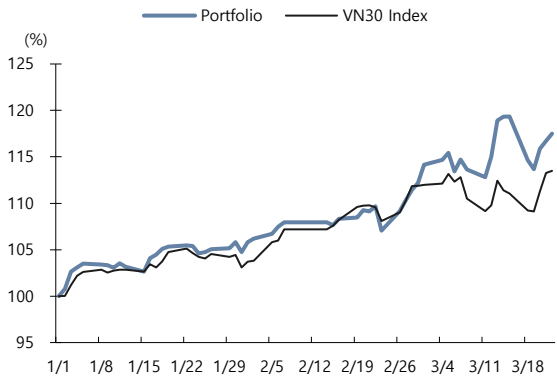
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.20%	0.70%
Tăng lũy kế (YTD)	13.49%	17.50%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,800	0.4%	46.8%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	78,600	0.3%	2.9%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	96,400	1.3%	-1.8%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	67,000	1.1%	20.1%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	31,950	-1.2%	15.6%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,000	0.0%	8.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	62,500	5.9%	13.8%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	43,000	-0.2%	2.5%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	71,600	-0.3%	4.1%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	98,500	-0.2%	9.0%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
GEX	6.4%	9.3%	192.3
KBC	3.5%	21.7%	147.3
PDR	2.4%	7.7%	122.3
VCB	1.3%	23.5%	78.8
STB	0.5%	24.2%	42.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.9%	52.1%	-219.2
HPG	1.0%	25.0%	-136.0
VHM	-0.2%	21.8%	-115.7
DIG	0.8%	7.2%	-77.9
PVD	-1.2%	21.8%	-69.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.7%	20.8%	20.0
GKM	0.0%	0.5%	3.7
VC7	9.8%	0.2%	2.7
PLC	6.6%	1.0%	2.7
L14	5.7%	0.3%	2.5
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.5%	10.3%	-25.0
PVS	0.3%	17.3%	-11.2
NRC	0.0%	7.9%	-8.7
HUT	-1.0%	1.7%	-3.8
TA9	9.9%	0.0%	-2.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	11.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Thiết bị điện	3.8%	GEX, SAM, CAV, RAL
Xây dựng và kỹ thuật	3.7%	DIG, HDG, VCG, PC1
Dược	3.3%	DHG, IMP, TRA, DBD
Ngân hàng	3.2%	VCB, BID, VPB, TCB
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-3.8%	DHC, HAP, HHP, VID
Vận tải hàng không & Logistics	-3.5%	TMS, SCS, STG, ASG
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-2.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Hóa chất	-2.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Phụ tùng oto	-2.5%	DRC, CSM, PAC, TNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	16.5%	GVR, DGC, DPM, DCM
Đồ gia dụng	16.3%	TTF, GDT, EVE, SAV
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	16.2%	TNH, JVC, VMD
Xây dựng và kỹ thuật	16.0%	DIG, HDG, VCG, PC1
Vận tải hàng không & Logistics	13.5%	TMS, SCS, STG, ASG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-4.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	-4.3%	VPG, TSC, BTT, TNA
Vật liệu xây dựng	-2.2%	HT1, PTB, GAB, ACC
Đồ uống	-1.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng không dân dụng	-0.6%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	212,402 (8.6)	22.5	1,242.7	50.5	14.7	0.0	3.0	1.5	1.5	0.2	5.0	-2.1	4.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	377,163 (15.3)	26.6	5.3	5.0	35.9	17.1	15.9	0.9	0.8	-0.2	0.9	-4.5	-0.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	379,458 (15.4)	17.8	14.7	12.9	-7.6	10.9	10.8	1.5	1.3	-0.9	3.7	1.1	14.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	427,758 (17.3)	31.3	-	31.7	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	0.0	3.6	0.0	0.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	177,455 (7.2)	11.6	28.3	28.3	13.7	7.7	7.6	2.1	2.1	-0.3	-0.3	14.5	18.2
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	276,813 (11.2)	13.9	43.2	28.5	-	2.8	4.1	1.3	1.3	1.8	8.5	7.3	2.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	174,798 (7.1)	6.3	15.4	13.8	11.7	18.6	18.3	2.7	2.3	1.3	2.6	7.7	20.0
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	107,977 (4.4)	12.7	14.3	11.8	-5.3	18.3	18.2	2.2	1.8	2.3	3.8	8.9	24.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	422,413 (17.1)	0.0	7.1	5.8	14.3	16.2	17.1	1.1	0.9	-0.4	8.5	11.4	41.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	378,115 (15.3)	1.4	8.9	6.9	50.3	17.2	19.3	-	-	2.3	2.7	0.0	31.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	300,495 (12.2)	0.0	10.6	7.8	18.8	11.6	13.2	1.0	1.0	0.3	0.8	-4.6	-2.1
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	641,955 (26.0)	0.0	5.9	5.0	14.6	21.3	20.1	1.2	1.0	1.2	5.3	4.6	34.3
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	150,281 (6.1)	4.2	5.7	4.8	23.3	24.1	23.3	1.2	1.0	-0.4	3.5	3.9	17.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	692,747 (28.1)	14.0	6.4	4.1	26.5	20.0	25.1	1.1	0.8	0.5	3.8	1.9	13.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	298,543 (12.1)	0.0	7.1	5.5	37.4	16.7	18.5	1.1	1.0	0.0	-0.3	-4.1	7.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	300,303 (12.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.1	3.1	-1.6	0.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	27,997 (1.1)	21.0	18.5	15.3	15.8	7.8	9.0	1.4	1.3	-0.7	-1.4	0.8	7.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	5,601 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	1.5	-1.0	5.7	13.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,058,949 (42.9)	55.4	25.2	19.7	-3.2	11.7	12.3	-	-	0.4	0.0	9.1	15.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	442,369 (17.9)	71.9	33.1	24.5	-4.0	13.4	14.2	3.6	3.4	-0.6	0.0	21.4	25.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	303,417 (12.3)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.2	1.1	7.7	20.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	805,098 (32.6)	27.2	20.9	15.7	36.3	10.7	11.8	1.9	1.8	0.2	3.2	8.0	9.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	348,095 (14.1)	42.1	16.9	14.7	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	-0.9	-1.5	-5.3	0.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	88,857 (3.6)	36.9	17.4	16.3	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	0.2	-1.2	-1.2	-9.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	439,584 (17.8)	16.5	49.9	23.8	-51.9	9.3	16.7	4.0	3.5	0.6	0.0	15.3	17.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	16,943 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	2.1	-0.9	-8.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,965 (2.7)	11.0	32.3	18.8	-88.5	12.5	17.6	-	-	-0.4	-0.5	-1.4	-5.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	150,195 (6.1)	10.8	21.3	17.7	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	0.3	-1.8	10.2	11.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	242,037 (9.8)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-0.3	4.3	0.8	12.2
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	54,144 (2.2)	48.0	26.9	21.7	26.2	28.1	29.0	6.2	5.2	0.7	8.3	29.2	39.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	525,924 (21.3)	37.7	35.9	17.6	-14.4	7.9	6.7	-	-	6.4	8.2	11.9	5.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	182,980 (7.4)	3.6	23.4	15.8	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	-0.3	-6.9	3.9	4.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	68,663 (2.8)	0.0	10.6	9.5	-4.5	12.4	13.9	1.3	1.2	1.9	0.2	7.6	12.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	125,031 (5.1)	46.1	17.1	15.8	-17.5	16.3	16.4	2.4	2.2	-0.6	-2.2	3.3	6.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,688 (1.2)	31.4	-	14.7	-10.5	5.3	12.7	1.9	1.9	1.0	-2.2	-5.9	0.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,923 (0.1)	34.1	6.2	5.6	-5.1	16.4	17.5	-	-	0.0	-1.1	-2.2	-8.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	987,393 (40.0)	18.0	13.9	10.1	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	1.0	1.5	7.0	9.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	122,866 (5.0)	36.5	16.5	18.5	-0.5	8.2	7.7	1.3	1.2	0.0	-2.5	2.6	6.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	198,916 (8.1)	46.5	11.6	16.0	-4.5	15.6	15.1	1.9	1.8	0.7	-1.4	1.7	8.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	294,663 (11.9)	38.9	14.4	9.0	67.9	9.3	16.3	1.3	1.1	2.4	5.2	3.1	2.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	46,100 (1.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.4	1.9	-1.8	15.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	54,864 (2.2)	4.6	15.3	14.1	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	-1.2	0.9	6.0	10.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	254,190 (10.3)	39.9	18.9	12.9	-11.9	6.2	7.5	1.1	1.1	-1.2	-2.6	9.0	12.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	129,319 (5.2)	35.9	8.2	6.8	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	-1.4	-1.4	7.7	8.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	631,343 (25.6)	0.0	24.1	12.7	14.4	9.4	14.4	2.8	2.5	1.2	3.7	8.4	14.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	177,885 (7.2)	0.0	15.1	13.0	2.4	21.5	21.6	2.9	2.5	-0.2	-1.0	9.9	14.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	22,194 (0.9)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-5.8	-5.8	-12.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	118,344 (4.8)	30.3	64.2	30.6	-75.2	31.8	31.2	10.8	8.4	-0.2	1.8	18.3	39.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	51,551 (2.1)	34.6	22.8	14.6	41.2	11.4	16.7	-	-	0.2	4.4	13.5	28.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,546 (0.1)	45.4	15.4	15.2	10.7	19.9	19.2	-	-	-0.4	4.7	6.2	11.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	392,656 (15.9)	0.0	19.5	16.0	15.5	28.8	28.4	5.1	4.3	-1.1	-0.9	9.8	19.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhdh@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.